



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-24) 3244.40.44 / Fax: (84-24) 3244.40.45

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 – 42
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300296337 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xe băng, cát chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trắn và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trắn, đồng trắn, dây nhôm trắn lõi thép có tiết diện đến 1.200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trắn và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Càn	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cường	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Càn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phụ trách kế toán

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2020

**TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**



Mẫn Ngọc Anh

Số : 127/2020/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, được lập ngày 01 tháng 6 năm 2020, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại: 024 3244.40.44 / Fax: 024 3244.40.45
Email: info@namvietn.vn / Web: www.aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.766.851.167.308	1.562.736.742.258
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.348.189.363	14.037.484.179
1.	Tiền	111	V.01	1.348.189.363	14.037.484.179
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.557.988.037.085	1.113.265.192.676
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	168.267.927.696	222.795.547.007
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.314.002.655.836	815.496.879.619
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	75.717.453.553	74.972.766.050
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiêu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	195.883.967.924	422.569.395.391
1.	Hàng tồn kho	141		195.883.967.924	422.569.395.391
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		11.630.972.936	12.864.670.012
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1.903.298.765	1.351.323.577
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.222.078.449	11.511.284.834
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.505.595.722	2.061.601
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.202.476.460.144	2.530.065.496.744
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		63.708.516.113	62.118.449.555
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	63.708.516.113	62.118.449.555
II.	Tài sản cố định	220		66.192.527.871	40.533.781.029
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	34.351.344.310	33.798.035.596
	- Nguyên giá	222		79.783.564.044	74.925.792.225
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(45.432.219.734)	(41.127.756.629)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	30.914.390.959	5.779.861.771
	- Nguyên giá	225		43.869.778.062	10.361.596.243
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(12.955.387.103)	(4.581.734.472)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	926.792.602	955.883.662
	- Nguyên giá	228		1.463.337.543	1.463.337.543
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(536.544.941)	(507.453.881)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.11	30.218.966.188	25.058.931.493
	- Nguyên giá	231		31.498.178.718	26.171.565.545
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.279.212.530)	(1.112.634.052)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	2.061.203.958.972	1.456.126.635.421
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.061.203.958.972	1.456.126.635.421
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	979.282.535.213	943.073.713.496
1.	Đầu tư vào công ty con	251		928.325.046.854	895.323.663.049
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.296.000.000	36.291.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.661.488.359	11.459.050.447
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.869.955.787	3.153.985.750
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.869.955.787	3.153.985.750
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.969.327.627.452	4.092.802.239.002

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.230.742.840.867	2.361.805.357.127
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.702.244.101.365	1.546.623.829.335
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	528.809.514.426	386.357.328.492
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	6.289.379.182	53.401.271.845
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	10.474.688.257	2.329.597.427
4.	Phải trả người lao động	314		2.202.494.897	2.404.442.367
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	30.834.260.527	19.421.415.714
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	-	1.919.402.669
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	444.376.185.629	48.007.665.099
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	679.257.578.447	1.032.782.705.722
II.	Nợ dài hạn	330		1.528.498.739.502	815.181.527.792
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	152.929.114.081	107.077.920.674
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18	223.080.000.000	6.040.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	1.143.392.366.630	692.532.128.932
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		9.097.258.791	9.531.478.186
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.738.584.786.585	1.730.996.881.875
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.738.584.786.585	1.730.996.881.875
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.699.000.000.000	1.699.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		1.699.000.000.000	1.699.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(200.000.000)	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.784.786.585	31.996.881.875
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a		35.525.253.202	8.473.557.942
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		421b		4.259.533.383	23.523.323.933
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.969.327.627.452	4.092.802.239.002

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.663.090.846.360	2.701.109.810.722
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	4.794.200.365	21.646.154
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.658.296.645.995	2.701.088.164.568
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.573.006.373.249	2.578.681.212.801
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85.290.272.746	122.406.951.767
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	7.879.749.503	32.008.389.997
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	50.571.041.973	80.972.193.558
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>50.072.174.579</i>	<i>79.761.450.040</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	6.427.271.579	13.186.785.976
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	31.675.135.003	55.041.637.842
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.496.573.694	5.214.724.388
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	34.635.940	28.091.444.475
12.	Chi phí khác	32	VI.07	271.676.251	2.071.723.225
13.	Lợi nhuận khác	40		(237.040.311)	26.019.721.250
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.259.533.383	31.234.445.638
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		434.219.395	3.962.590.722
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(434.219.395)	3.748.530.983
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.259.533.383	23.523.323.933
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		Không áp dụng	Không áp dụng

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền



Bắc Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2020

Tổng Giám đốc

Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		4.259.533.383	31.234.445.638
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BDSĐT	02		12.873.785.274	10.141.279.685
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	371.845.988
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.317.462.403)	(7.656.995.751)
-	Chi phí lãi vay	06		50.072.174.579	79.761.450.040
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.888.030.833	113.852.025.600
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(435.850.814.171)	178.870.209.413
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		226.685.427.467	(185.813.747.888)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		773.144.240.636	331.940.111.666
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		732.054.775	1.147.750.673
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(49.589.204.692)	(64.629.826.508)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.504.947.047)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		575.009.734.848	372.861.575.909
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(648.769.890.362)	(171.529.900.417)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	7.104.698.064
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(42.936.961.754)	(330.926.547.814)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.728.140.037	133.887.468.149
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		144.571.992	552.297.687
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(684.834.140.087)	(360.911.984.331)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(200.000.000)	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.610.634.075.669	1.030.370.377.949
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.513.298.965.246)	(1.052.923.146.339)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(684.015.900)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		97.135.110.423	(23.236.784.290)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(12.689.294.816)	(11.287.192.712)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.037.484.179	25.324.199.887
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	477.004
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.348.189.363	14.037.484.179

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xé băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tái nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quát, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách Công ty con gồm:

Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn cam kết	Tỷ lệ vốn thực góp
- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	Khu Công nghiệp Hanaka, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	96,3%	96,3%
- Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong	Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100%	100%
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	Lô 44, đường số 8, Khu Công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	79,36%	100%
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100%	100%
- Công ty Cổ phần Sản xuất máy biến áp truyền tải 220 - 500KV Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	70,93%	21%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	Tòa nhà Trung tâm thương mại Hồng Kông, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	99%	100%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn cam kết	Tỷ lệ vốn thực góp
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	45%	100%
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	Đường số 9, Khu Công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	22,14%	22,14%
- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	25%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm này và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cỗ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 07 – 12 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

07. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình năm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà và quyền sử dụng đất	50 năm
- Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao	

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khé ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phôi phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phôi lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phôi không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phôi trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phôi được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phôi có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phân lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	551.234.817	329.605.867
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	796.954.546	13.707.878.312
Cộng	1.348.189.363	14.037.484.179

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
- Đầu tư vào công ty con	928.325.046.854	895.323.663.049				
+ Công ty Cổ phần Sản xuất máy biến áp truyền tải 220 - 500KV Hanaka	4.768.586.500	(*)	-	993.897.249	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	734.899.410.406	(*)	-	734.899.410.406	(*)	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong	108.800.000.000	(*)	-	73.027.945.409	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	8.680.335.834	(*)	-	15.233.695.871	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	968.182.666	(*)	-	960.182.666	(*)	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	70.208.531.448	(*)	-	70.208.531.448	(*)	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	36.296.000.000	36.291.000.000				
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	400.000.000	(*)	-	400.000.000	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	35.875.000.000	(*)	-	35.875.000.000	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	21.000.000	(*)	-	16.000.000	(*)	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	14.661.488.359	11.459.050.447				
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	205.489.844	(*)	-	205.489.844	(*)	-
+ Công ty Cổ phần thi công TE BE A - Korea	448.802.603	(*)	-	448.802.603	(*)	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka	13.202.437.912	(*)	-	10.000.000.000	(*)	-
Công	804.758.000	(*)	-	804.758.000	(*)	-
979.282.535.213	-	-	-	943.073.713.496	-	-

(*): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, Chuẩn mực kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn đầu tư	42.922.181.754	199.132.683.321
+ Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong	35.772.054.591	23.321.175.270
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	160.000.000	9.895.929.982
+ Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	3.202.437.912	44.544.563.490
+ Công ty cổ phần thiết bị điện TE BE A - Korea	-	-
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	-	119.410.934.664
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải 220 – 500KV Hanaka	3.774.689.251	993.897.249
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	8.000.000	960.182.666
+ Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	5.000.000	6.000.000
Giảm vốn đầu tư	6.713.360.037	-
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	6.713.360.037	-
Doanh thu bán hàng	695.630.277.234	963.393.106.282
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	397.656.239.486	575.538.171.542
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	84.724.798.408	162.304.882.483
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải 220 – 500KV Hanaka	17.288.123.711	814.905.951
+ Công ty Cổ phần thiết bị điện TE BE A - Korea	195.961.115.629	224.735.146.306
Mua nguyên vật liệu	683.917.628.041	674.232.438.571
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	628.783.094.556	461.638.887.005
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	55.134.533.485	212.593.551.566
Mua thành phẩm	70.492.873.800	26.928.525.558
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	70.492.873.800	26.928.525.558
Sử dụng dịch vụ	157.925.800	3.682.980.000
+ Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	157.925.800	3.682.980.000
Giá trị xây dựng	136.287.316.065	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 Yên Phong	136.287.316.065	-

03. Phải thu của khách hàng

a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Việt Nam
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông
- Ông Đặng Quốc Mỹ
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
168.267.927.696	222.795.547.007
-	68.419.999.691
-	4.793.336.227
-	45.005.199.158
40.106.529.325	40.106.529.325
128.161.398.371	64.470.482.606
168.267.927.696	222.795.547.007

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea
 - Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông
- Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
-	113.425.198.849
-	68.419.999.691
-	45.005.199.158
-	113.425.198.849

04. Trả trước cho người bán

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Hồng Ngọc
 - Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong
 - Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông
 - Trả trước cho người bán của nhà cung cấp khác
- Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.314.002.655.836	815.496.879.619
491.581.169.418	481.992.359.302
159.993.639.523	233.007.552.321
570.211.680.881	-
92.216.166.014	100.496.967.996
1.314.002.655.836	815.496.879.619

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Hồng Ngọc
 - Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong
 - Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka
 - Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông
 - Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn
- Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.248.629.452.071	741.842.873.872
491.581.169.418	481.992.359.302
159.993.639.523	233.007.552.321
23.266.207.137	23.266.207.137
570.211.680.881	-
3.576.755.112	3.576.755.112
1.248.629.452.071	741.842.873.872

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	75.717.453.553	-	74.972.766.050	-
- Tạm ứng	522.219.359	-	489.644.841	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	90.101.900	-	75.974.900	-
- Phải thu khác	75.105.132.294	-	74.407.146.309	-
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	58.320.321.333	-	58.295.300.205	-
+ Bà Mẫn Thị Mai	362.375.000	-	362.375.000	-
+ Ông Vũ Hoài Nam	12.685.000.000	-	12.685.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	3.737.435.961	-	3.064.471.104	-
b. Dài hạn	63.708.516.113	-	62.118.449.555	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.210.065.000	-	1.690.065.000	-
- Phải thu khác	62.498.451.113	-	60.428.384.555	-
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
+ Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	2.498.451.113	-	428.384.555	-
Cộng	139.425.969.666	-	137.091.215.605	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	39.990.374.373	-	99.118.339.548	-
- Công cụ, dụng cụ	1.914.526.987	-	3.301.273.690	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111.888.526.618	-	232.501.347.928	-
- Thành phẩm	34.748.306.921	-	80.657.321.806	-
- Hàng hóa	7.342.233.025	-	6.991.112.419	-
Cộng	195.883.967.924	-	422.569.395.391	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	
- Mua sắm tài sản cố định		2.061.203.958.972		1.456.126.635.421
- Xây dựng cơ bản	445.261.770.036		353.814.486.031	
+ Khu đô thị Hanaka	1.615.942.188.936		1.102.312.149.390	
+ Khu công nghiệp Hanaka	517.283.514.359		126.301.616.251	
+ Trung tâm thương mại Hồng Kông	214.351.465.112		211.874.923.837	
+ Xưởng máy biến áp truyền tải	461.086.736.202		454.126.660.564	
+ Cụm Công nghiệp làng nghề Mân Xá	105.648.275.874		103.938.415.986	
+ Chi phí xây dựng khác	257.565.826.366		163.383.942.391	
Cộng	60.006.371.023	2.061.203.958.972	42.686.590.361	1.456.126.635.421

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phuơng tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	38.983.167.403	16.522.290.515	17.541.342.861	1.878.991.446	74.925.792.225
- Mua trong năm	-	-	4.794.109.092	63.662.727	4.857.771.819
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Phân loại lại khoản mục	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	38.983.167.403	16.522.290.515	22.335.451.953	1.942.654.173	79.783.564.044
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	15.369.778.991	15.095.863.359	9.218.572.604	1.443.541.675	41.127.756.629
- Khäu hao trong năm	1.412.836.941	626.502.799	2.073.524.848	191.598.517	4.304.463.105
- Phân loại lại khoản mục	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	16.782.615.932	15.722.366.158	11.292.097.452	1.635.140.192	45.432.219.734
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	23.613.388.412	1.426.427.156	8.322.770.257	435.449.771	33.798.035.596
2. Tại ngày cuối năm	22.200.551.471	799.924.357	11.043.354.501	307.513.981	34.351.344.310

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 22.135.036.571 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.794.096.241</i>	<i>5.567.500.002</i>	<i>10.361.596.243</i>
- Thuê tài chính trong năm	-	33.508.181.819	33.508.181.819
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>4.794.096.241</i>	<i>39.075.681.821</i>	<i>43.869.778.062</i>
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.121.258.716</i>	<i>2.460.475.756</i>	<i>4.581.734.472</i>
- Khäu hao trong năm	958.819.248	7.414.833.383	8.373.652.631
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>3.080.077.964</i>	<i>9.875.309.139</i>	<i>12.955.387.103</i>
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
1. Tại ngày đầu năm	2.672.837.525	3.107.024.246	5.779.861.771
2. Tại ngày cuối năm	1.714.018.277	29.200.372.682	30.914.390.959

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.309.097.613</i>	<i>154.239.930</i>	<i>1.463.337.543</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.309.097.613</i>	<i>154.239.930</i>	<i>1.463.337.543</i>
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>353.213.951</i>	<i>154.239.930</i>	<i>507.453.881</i>
- Khäu hao trong năm	29.091.060	-	29.091.060
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>382.305.011</i>	<i>154.239.930</i>	<i>536.544.941</i>
III. Giá trị còn lại TSCĐ vô hình			
1. Tại ngày đầu năm	955.883.662	-	955.883.662
2. Tại ngày cuối năm	926.792.602	-	926.792.602

Tài sản cố định vô hình đã hết khäu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 154.239.930 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	26.171.565.545	5.326.613.173	-	31.498.178.718
- Quyền sử dụng đất	21.300.000.000	-	-	21.300.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.871.565.545	5.326.613.173	-	10.198.178.718
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn luỹ kế	1.112.634.052	166.578.478	-	1.279.212.530
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.112.634.052	166.578.478	-	1.279.212.530
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	25.058.931.493	5.326.613.173	166.578.478	30.218.966.188
- Quyền sử dụng đất	21.300.000.000	-	-	21.300.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	3.758.931.493	5.326.613.173	166.578.478	8.918.966.188
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.903.298.765	1.351.323.577
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.751.516.674	1.351.323.577
- Các khoản chi phí khác	151.782.091	-
b. Dài hạn	1.869.955.787	3.153.985.750
- Chi phí thuê đất	384.692.703	397.144.158
- Chi phí sửa chữa tài sản	359.348.794	914.863.260
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	67.916.166	332.274.767
- Chi phí khác	1.057.998.124	1.509.703.565
Cộng	3.773.254.552	4.505.309.327

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Đơn vị tính: VNĐ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm			
a. Vay ngắn hạn	1.032.782.705.722	1.032.782.705.722	813.140.115.018	1.166.665.242.293	679.257.578.447	679.257.578.447	
- Vay ngân hàng	581.293.695.889	581.293.695.889	568.008.922.450	716.107.354.460	433.195.263.879	433.195.263.879	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Bắc Ninh ^(a)	118.380.604.841	118.380.604.841	215.882.855.790	214.350.087.566	119.913.373.065	119.913.373.065	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD I ^(b)	462.913.091.048	462.913.091.048	352.126.066.660	501.757.266.894	313.281.890.814	313.281.890.814	
- Vay đối tượng khác			1.000.000.000	1.000.000.000			
- Vay dài hạn đến hạn trả	449.825.869.833	449.825.869.833	236.570.612.560	447.894.747.833	238.501.734.560	238.501.734.560	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD I(VND) ^(c)	22.000.000.000	22.000.000.000	12.000.000.000	22.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội ^(d)	-	-	1.349.400.000	-	1.349.400.000	1.349.400.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ^(e)	387.105.869.833	387.105.869.833	209.851.212.560	385.174.747.833	211.782.334.560	211.782.334.560	
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I ^(f)	40.720.000.000	40.720.000.000	13.370.000.000	40.720.000.000	13.370.000.000	13.370.000.000	
- Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.663.140.000	1.663.140.000	7.560.580.008	1.663.140.000	7.560.580.008	7.560.580.008	
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(g)	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	1.663.140.000	
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(g)	-	-	5.897.440.008	-	5.897.440.008	5.897.440.008	
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	692.532.128.932	692.532.128.932	825.876.500.651	375.016.262.953	1.143.392.366.630	1.143.392.366.630	
b.1. Vay dài hạn	689.483.038.932	689.483.038.932	795.897.847.317	361.910.509.604	1.123.470.376.645	1.123.470.376.645	
Từ 1 năm đến 5 năm	405.691.921.429	405.691.921.429	698.447.847.317	298.547.392.101	805.592.376.645	805.592.376.645	
- Vay ngân hàng	405.691.921.429	405.691.921.429	698.447.847.317	298.547.392.101	805.592.376.645	805.592.376.645	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	59.000.000.000	59.000.000.000	4.000.000.000	17.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Việt Nam - SGD 1(VND) ^(c)	-	-	4.152.000.000	2.361.450.000	1.790.550.000	1.790.550.000	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội ^(d)	346.691.921.429	346.691.921.429	690.295.847.317	279.185.942.101	757.801.826.645	757.801.826.645	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ^(e)	283.791.117.503	283.791.117.503	97.450.000.000	63.363.117.503	317.878.000.000	317.878.000.000	
Trên 5 năm	283.791.117.503	283.791.117.503	97.450.000.000	63.363.117.503	317.878.000.000	317.878.000.000	
- Vay ngân hàng							
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – SGD I ^(f)	233.798.000.000	233.798.000.000	97.450.000.000	13.370.000.000	317.878.000.000	317.878.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD I ^(g)	49.993.117.503	49.993.117.503	-	49.993.117.503	-	-	
b.2. Nợ thuê tài chính	3.049.090.000	3.049.090.000	29.978.653.334	13.105.753.349	19.921.989.985	19.921.989.985	
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(g)	3.049.090.000	3.049.090.000	-	1.663.140.000	1.385.950.000	1.385.950.000	
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam ^(h)	-	-	29.978.653.334	11.442.613.349	18.536.039.985	18.536.039.985	
Cộng	1.725.314.834.654	1.725.314.834.654	1.639.016.615.669	1.541.681.505.246	1.822.649.945.077	1.822.649.945.077	
(a) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2600-LAV-201901304 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh với hạn mức tín dụng 120.000.000.000 đồng để bù sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay của mỗi khoản nhận nợ tối đa 8 tháng, lãi suất 9%/năm.							
(b) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/175407/HĐTTDHM ngày 26 tháng 04 năm 2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sô giao dịch I với hạn mức tín dụng là 840.000.000.000 đồng để bù sung vốn lưu động, thời hạn hợp đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.							
(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sô giao dịch I theo các hợp đồng sau :							
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/175407/2013/HĐTTDDH ngày 29 tháng 10 năm 2013 với hạn mức là 67.589.535.000 đồng để thanh toán một phần chi phí đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà xưởng, mua sắm thêm máy móc thiết bị sản xuất dây và cáp của Công ty. Thời hạn vay 07							

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

năm. Lãi suất vay cho kỳ đầu tiên là 12,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay của dự án (bao gồm cả phần nhà xuống đầu tư thêm và dây chuyền máy móc thiết bị mới) đứng tên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/175407/HĐTD ngày 15 tháng 3 năm 2016 với số tiền tối đa là 134.610.000.000 đồng để thanh toán một phần chi phí đầu tư máy móc thiết bị thuộc giai đoạn 2 Dự án đầu tư nâng cao công suất thiết bị sản xuất dây và cáp điện giai đoạn 2. Thời hạn vay 07 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất cáp điện của dự án Đầu tư nâng cao công suất thiết bị sản xuất dây và cáp điện giai đoạn 2.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2017/175407/HĐDDA ngày 28 tháng 3 năm 2017 với hạn mức tín dụng 180.000.000.000 đồng để tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại Hồng Kong. Thời hạn vay 07 năm. Các khoản vay được áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận thà nỗi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác kinh doanh dự án của bên vay thuộc dự án.
- (d) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội MB – Chi nhánh Sở Giao dịch 3 theo hợp đồng vay số 21982.19.950.5130414.TD ngày 20 tháng 06 năm 2019 để đầu tư xe Ô tô tải tự đổ (6x4) nhãn hiệu FAW theo hợp đồng kinh tế số 3105/HĐKT/HNK-NN/2019 ngày 31/05/2019. Số tiền 4.152.000.000 VND, thời hạn vay tối đa 48 tháng, lãi suất 9,5%/năm.

(e) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 31/2019/HĐTTDHM-PN/SHB.112100 ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền vay là 365.000.000.000 đồng để đầu tư trung tâm thương mại Hồng Kong, khách sạn, căn hộ để bán và căn hộ cho thuê thời hạn vay 05 năm, lãi suất theo từng khé ước nhân nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thuê chấp nhận đầu tư số 01/2018/HĐTC-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2018/HĐTTDH-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng 383.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng thanh toán cho Dự án ĐTXD Đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chò, huyện Yên Phong theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao (Dự án Khu đô thị Hanaka 20 ha – phần công trình kiến trúc) tại phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thời hạn vay 66 tháng. Lãi suất vay trong hạn cho 03 tháng đầu tiên là 12,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thuê chấp nhận đầu tư số 01/2018/HĐTC-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02/2018/HĐTTDH-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng 216.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng Dự án ĐTXD Đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chò, huyện Yên Phong theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao (phần điều chỉnh bổ sung hai tuyến nhánh). Thời hạn vay trong hạn cho 03 tháng đầu tiên là 12,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thuê chấp nhận đầu tư số 01/2018/HĐTC-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 09/2017/HĐTTDH-PN/SHB.112100 ngày 05 tháng 9 năm 2017 với hạn mức tín dụng 220.000.000.000 đồng để cho vay và phát hành bão lãnh nhằm đầu tư xây dựng Dự án Cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá – Văn Môn, huyện Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phong. Thời hạn cho vay là 66 tháng, lãi suất được quy định trên từng khép ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ quyền tài sản hiện tại, hình thành trong tương lai thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá – Văn Môn, huyện Yên Phong.

(f) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2015/HĐTDDBT-NHPT ngày 12 tháng 02 năm 2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - SGD I và Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 08/2015/HĐTDDSD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2019 sửa đổi số tiền vay tối đa là 341.748.000.000 đồng để đầu tư các hạng mục của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất máy truyền tải 220-500KV công suất đến 450 MVA. Thời hạn vay 87 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất vay 9,6%/năm, khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay trên, tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I.

(g) Khoản nợ thuê tài chính Công ty cho TNHH MTV thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 104.16.06/CTTC ngày 07 tháng 12 năm 2016, thời hạn thuê là 60 tháng với mức lãi suất thuê là 8,5%/năm áp dụng trong 06 tháng từ ngày ký hợp đồng, sau đó được xác định bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng đối với cá nhân, hình thức trả lãi sau do Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng thêm biên độ 3,1%/năm và được áp dụng điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần.

(h) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2019-00002-000 và Hợp đồng thuê tài chính số 2019-00003-000 ngày 31 tháng 01 năm 2019 thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9,4%/năm.

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>	528.809.514.426	528.809.514.426	386.357.328.492	386.357.328.492
- Công ty Cổ phần Hanacans	-	-	293.111.755	293.111.755
- Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư Vinametal	24.637.169.893	24.637.169.893	86.626.816.621	86.626.816.621
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	24.187.350.646	24.187.350.646	49.576.426.443	49.576.426.443
- Glencore International AG	-	-	47.487.141.006	47.487.141.006
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kong	-	-	77.110.142.041	77.110.142.041
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện TE BE A - Korea	40.009.660.002	40.009.660.002	-	-
- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka Korea	352.362.083.145	352.362.083.145	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	87.613.250.740	87.613.250.740	125.263.690.626	125.263.690.626
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>	152.929.114.081	152.929.114.081	107.077.920.674	107.077.920.674
- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka Korea	61.993.117.503	61.993.117.503	-	-
- Công ty TNHH Rexam A.B.M	90.935.996.578	90.935.996.578	107.077.920.674	107.077.920.674
Công	681.738.628.507	681.738.628.507	493.435.249.166	493.435.249.166

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	416.59.093.793	416.59.093.793	126.686.568.484	126.686.568.484
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện TE BE A - Korea	24.187.350.646	24.187.350.646	49.576.426.443	49.576.426.443
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kong	40.009.660.002	40.009.660.002	-	-
- Công ty Cáp điện Hanaka Korea	-	-	77.110.142.041	77.110.142.041
- Công ty Cáp điện Hanaka Korea	352.362.083.145	352.362.083.145	-	-
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan dài hạn</i>	61.993.117.503	61.993.117.503	61.993.117.503	61.993.117.503
- Công ty Cáp điện Hanaka Korea	61.993.117.503	61.993.117.503	-	-
Cộng	478.552.211.296	478.552.211.296	126.686.568.484	126.686.568.484
 15. Người mua trả tiền trước				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	6.289.379.182	6.289.379.182	53.401.271.845	53.401.271.845
- Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	-	-	27.038.973.167	27.038.973.167
- Công ty Long Phượng	-	-	15.473.433.381	15.473.433.381
- Công ty TNHH Huỳnh Phát	-	-	6.153.863.700	6.153.863.700
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vets	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
- Công ty Cổ phần K66	1.358.725.500	1.358.725.500	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn cho các khách hàng khác	3.030.653.682	3.030.653.682	2.835.001.597	2.835.001.597
Cộng	6.289.379.182	6.289.379.182	53.401.271.845	53.401.271.845

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	9.742.928.326	7.219.685	-	9.742.928.326
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	12.973.880.506	12.973.880.506	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.061.601	-	-	-	2.061.601	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	620.105.609	620.105.609	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.788.707.237	(3.094.151.932)	-	1.503.534.121	198.089.426
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	128.944.486	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	7.417.162.815	7.417.162.815	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	533.670.505	280.653.000	280.653.000	-	533.670.505
Công	2.061.601	2.329.597.427	28.069.522.810	21.427.966.101	1.505.595.722	10.474.688.257

Đơn vị tính: VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	30.834.260.527	19.421.415.714
- Chi phí lãi vay	29.383.247.631	18.491.198.916
- Các khoản trích trước khác	1.451.012.896	930.216.798
Cộng	30.834.260.527	19.421.415.714

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	444.376.185.629	48.007.665.099
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.927.941.213	1.927.941.213
- Kinh phí công đoàn	131.005.378	30.444.678
- Bảo hiểm xã hội	129.734.600	452.279.500
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	442.172.504.438	45.581.999.708
+ <i>Phải trả về cổ tức</i>	1.052.431.900	1.104.384.800
+ <i>Công ty TNHH SEIYO Việt Nam</i>	378.266.667	378.266.667
+ <i>Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông</i>	20.000.000.000	20.000.000.000
+ <i>Đặt cọc mua bất động sản</i>	110.406.776.814	22.223.091.100
+ <i>Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông</i>	308.575.879.823	-
+ Các đối tượng khác	1.759.149.234	1.876.257.141
b. Dài hạn	223.080.000.000	6.040.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.080.000.000	6.040.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	217.000.000.000	-
+ <i>Bà Mẫn Ngọc Triều Tiên (*)</i>	217.000.000.000	-
Cộng	667.456.185.629	54.047.665.099

(*) Khoản hợp tác đầu tư vào dự án "Khu đô thị Hanaka Paris" theo hợp đồng góp vốn số 06/2019/HĐGV-HNK ngày 27 tháng 6 năm 2019.

19. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	-	1.919.402.669
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	1.919.402.669
Cộng	-	1.919.402.669

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.399.000.000.000	-	253.747.067.942	1.652.747.067.942
Tăng vốn trong năm trước	54.726.490.000			54.726.490.000
Lãi trong năm trước	-		23.523.323.933	23.523.323.933
Phân phối lợi nhuận	245.273.510.000		(245.273.510.000)	-
Số dư cuối năm trước	1.699.000.000.000	-	31.996.881.875	1.730.996.881.875
Số dư đầu năm nay	1.699.000.000.000	-	39.784.786.585	1.738.584.786.585
Lãi trong năm nay	-		4.259.533.383	4.259.533.383
Tăng khác	-		3.528.371.327	3.528.371.327
Giảm khác	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.699.000.000.000	(200.000.000)	39.784.786.585	1.738.584.786.585

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.699.000.000.000	100	1.699.000.000.000	100
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	1.265.442.680.000	74,48	1.265.442.680.000	74,48
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	309.638.940.000	18,23	309.638.940.000	18,23
+ Các đối tượng khác	123.918.380.000	7,29	123.918.380.000	7,29
Cộng	1.699.000.000.000	100	1.699.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	1.699.000.000.000	1.399.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	300.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.699.000.000.000	1.699.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	245.273.510.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	169.900.000	169.900.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	169.900.000	169.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	169.900.000	169.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	169.880.000	169.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	169.880.000	169.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	1.030,07	1.336,13
- EUR	141,88	141,88

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng, thành phẩm	1.510.078.343.183	2.677.041.360.450
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.725.187.112	24.068.450.272
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	136.287.316.065	-
Cộng	1.663.090.846.360	2.701.109.810.722

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài doanh thu với các bên liên quan của Công ty được thuyết minh tại mục V.02, Công ty còn doanh thu với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông

	Năm nay	Năm trước
	14.345.834.016	40.165.087.266

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Hàng bán bị trả lại
- Giảm giá hàng bán

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	4.794.200.365	-
	-	21.646.154
	4.794.200.365	21.646.154

03. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	1.424.312.566.848	2.575.348.579.365
	12.406.490.336	3.332.633.436
	136.287.316.065	-
	1.573.006.373.249	2.578.681.212.801

04. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi
- Lãi bán các khoản đầu tư
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	7.212.821.603	43.965.687
	-	31.218.636.344
	104.640.800	508.332.000
	562.287.100	237.455.966
	7.879.749.503	32.008.389.997

05. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá
- Chi phí tài chính khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	50.072.174.579	79.761.450.040
	348.867.394	1.210.743.518
	150.000.000	-
	50.571.041.973	80.972.193.558

06. Thu nhập khác

- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chênh lệch góp vốn bằng tài sản
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được
- Các khoản khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	-	7.104.698.064
	-	20.913.751.890
	-	24.629.209
	34.635.940	48.365.312
	34.635.940	28.091.444.475

07. Chi phí khác

- Các khoản phạt vi phạm hành chính
- Các khoản khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	206.645.283	423.050.836
	65.030.968	1.648.672.389
	271.676.251	2.071.723.225

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	31.675.135.003	55.041.637.842
- Chi phí nhân viên quản lý	9.286.423.123	16.273.629.228
- Chi phí vật liệu quản lý	1.272.194.075	1.374.285.136
- Chi phí đồ dùng văn phòng	205.890.739	296.337.325
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.611.400.787	2.098.490.951
- Thuế, phí và lệ phí	4.198.013.989	5.140.488.305
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.362.132.924	4.037.708.727
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.739.079.366	25.820.698.170
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	6.427.271.579	13.186.785.976
- Chi phí nhân viên	193.118.900	1.661.586.169
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.754.073.040	4.576.150.444
- Các khoản chi phí bán hàng khác	1.480.079.639	6.949.049.363
Cộng	38.102.406.582	68.228.423.818

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	434.219.395	3.962.590.722
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	434.219.395	3.962.590.722

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(434.219.395)	3.748.530.983
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(434.219.395)	3.748.530.983

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.478.084.814	195.261.071.373
- Chi phí nhân công	18.028.364.536	30.448.334.628
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.873.785.274	10.141.279.685
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.260.884.183	41.179.161.348
- Chi phí khác bằng tiền	176.928.645.320	73.414.531.857
Cộng	362.569.764.127	350.444.378.891

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TẾ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán.

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban điều hành		
+ Phải thu ngắn hạn khác	58.320.321.333	58.295.300.205
Công nợ phải thu	58.320.321.333	58.295.300.205

Ban điều hành		
+ Phải trả ngắn hạn khác	-	-
Công nợ phải trả	-	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.320.000.000	2.520.000.000
Công	1.320.000.000	2.520.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cáp điện Hanaka - Korea	Công ty con
- Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong	Công ty con
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hanaka Sài Gòn	Công ty con
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	Công ty con
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông là con ruột của Ông Mẫn Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh tại mục V.02 và VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông</i>			
+ Thuê thầu phụ	46.611.075.727	145.220.964.814	
+ Mua nguyên liệu, vật liệu	14.426.642.564	117.149.507.796	
+ Bán tài sản	-	59.660.768.366	
+ Mua hàng hóa	22.711.105.000	-	
+ Chi phí thuê tài sản	430.000.000	-	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.05, V.14, V.18, công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Hồng Ngọc (TNHH)</i>		
+ Phải thu khác	60.000.000.000	60.000.000.000

03. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Máy biến áp.
- Thương mại: Nguyên vật liệu sản xuất dây cáp, vỏ lon và thành phẩm vỏ lon, dây cáp,...
- Dịch vụ: Đại lý bảo hiểm, cho thuê kho bãi, nhà hàng,...
- Đầu tư vốn: thanh lý nhượng bán vốn tại các Công ty mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka đang đầu tư.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	252.613.296.920	1.252.670.845.898	16.725.187.112	136.287.316.065	1.658.296.645.995
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	247.131.154.162	1.237.882.854.383	15.971.004.246	136.287.316.065	1.637.272.328.856
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.482.142.758	14.787.991.515	754.182.866	-	21.024.317.139
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	106.259.902.092	526.926.662.458	8.548.000.409	-	641.734.564.959
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.108.555.257	10.456.004.215	169.621.191	-	12.734.180.663
Số cuối năm nay	662.018.198.730	3.282.847.368.344	43.831.335.802	-	3.988.696.902.876
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản	662.018.198.730	3.282.847.368.344	43.831.335.802	-	4.969.327.627.452
Nợ phải trả bộ phận	536.217.869.683	2.659.022.706.210	35.502.264.974	-	3.230.742.840.867
Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả	536.217.869.683	2.659.022.706.210	35.502.264.974	-	3.230.742.840.867

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Hoạt động khác	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	203.993.354.845	2.473.026.359.451	24.068.450.272	-	2.701.088.164.568
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	200.422.903.073	2.472.602.332.681	23.626.316.369	(778.111.943)	2.695.873.440.180
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.570.451.772	424.026.770	442.133.903	778.111.943	5.214.724.388
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	16.359.097.647	153.675.176.439	1.495.626.331	-	171.529.900.417
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.854.858.032	3.254.745.212	31.676.441	-	10.141.279.685
Số cuối năm trước	671.793.976.562	2.440.215.978.043	23.681.086.722	-	3.135.691.041.327
Tài sản trực tiếp của bộ phận				-	957.111.197.675
Tài sản không phân bổ				-	4.092.802.239.002
Tổng tài sản	671.793.976.562	2.440.215.978.043	23.681.086.722	-	
Nợ phải trả bộ phận	178.369.815.770	2.162.390.321.310	21.045.220.047	-	2.361.805.357.127
Nợ phải trả không phân bổ				-	
Tổng nợ phải trả	178.369.815.770	2.162.390.321.310	21.045.220.047	-	2.361.805.357.127

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

		Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.348.189.363	-	14.037.484.179	-	(*)
Phí thu khách hàng và phải thu khác	305.871.511.103	-	357.631.077.871	-	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	14.661.488.359	-	11.459.050.447	-	(*)
Cộng	321.881.188.825	-	383.127.612.497	-	(*)
 Nợ phải trả tài chính					
Phải trả cho người bán	681.738.628.507	493.435.249.166	(*)		
Vay và nợ	1.822.649.945.077	1.725.314.834.654	(*)		
Chi phí phải trả	30.834.260.527	19.421.415.714	(*)		
Các khoản phải trả khác	659.172.504.438	45.581.999.708	(*)		
Cộng	3.194.395.338.549	2.283.753.499.242	(*)		

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	528.809.514.426	152.929.114.081	-	681.738.628.507
Vay và nợ	679.257.578.447	825.514.366.630	317.878.000.000	1.822.649.945.077
Chi phí phải trả	30.834.260.527	-	-	30.834.260.527
Các khoản phải trả khác	442.172.504.438	217.000.000.000	-	659.172.504.438
Cộng	1.681.073.857.838	1.195.443.480.711	317.878.000.000	3.194.395.338.549

Số đầu năm

Phải trả cho người bán	386.357.328.492	107.077.920.674	-	493.435.249.166
Vay và nợ	1.032.782.705.722	408.741.011.429	283.791.117.503	1.725.314.834.654
Chi phí phải trả	19.421.415.714	-	-	19.421.415.714
Các khoản phải trả khác	45.581.999.708	-	-	45.581.999.708
Cộng	1.484.143.449.636	515.818.932.103	283.791.117.503	2.283.753.499.242

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền



Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh